

DANH SÁCH THÍ SINH TẠI PHÒNG THI

Môn thi: **Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)**

Hình thức thi: **Trắc nghiệm**

Ngày thi: **25/11/2023**

Phòng thi số: **02 (B.302)**

Địa điểm thi: **Trụ sở - ĐH TNMT TPHCM**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
1	232033	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	21/12/2000			
2	232034	Phan Văn	Hậu	Nam	14/3/2001			
3	232035	Trương Hoài Hữu	Hiếu	Nam	10/11/2000			
4	232036	Nguyễn Hữu	Hóa	Nam	19/5/1972			
5	232037	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	5/9/2000			
6	232038	Nguyễn Lê Thu	Hoài	Nữ	5/1/1993			
7	232039	Trần Quốc	Hoàn	Nam	26/6/1981			
8	232040	Lê Thị Cẩm	Hồng	Nữ	6/2/1996			
9	232041	Lê Hữu	Hùng	Nam	28/8/2000			
10	232042	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	1/1/1997			
11	232043	Trịnh Hồng	Khải	Nam	21/10/1989			
12	232044	Tăng Hữu	Khang	Nam	19/6/2000			
13	232045	Nguyễn Thành	Khoa	Nam	27/7/1992			
14	232046	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	2/3/1986			
15	232047	Lâm Huỳnh	Kiên	Nam	6/2/1978			
16	232048	Lê Duy	Kiệt	Nam	11/3/1993			
17	232049	Trần Thị Kim	Liễu	Nữ	17/10/1987			
18	232050	Trịnh Tiểu	Linh	Nữ	26/8/1997			
19	232051	Nguyễn Trường	Linh	Nam	13/12/1999			
20	232052	Lê Thế	Lợi	Nam	12/8/1999			
21	232053	Nguyễn Bảo	Long	Nam	16/7/1983			
22	232054	Nguyễn Đức	Long	Nam	22/6/1992			
23	232055	Tần Lê	Luận	Nam	12/4/1992			
24	232056	Lâm Ngọc Trúc	Ly	Nữ	6/3/1996			
25	232057	Nguyễn Thị Lệ	Mến	Nữ	12/1/1984			
26	232058	Nguyễn Thị Trà	Mi	Nữ	17/12/1990			
27	232059	Đặng Hoàng	Minh	Nam	1/1/1986			
28	232060	Bùi Thị Thùy	Minh	Nữ	14/4/1985			
29	232061	Nguyễn Thị Diễm	My	Nữ	13/8/1994			



STT	SBD	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ/ Mã đề	Ký tên	Ghi chú
30	232062	Nguyễn Xuân	Nam	Nam	20/9/1987			
31	232063	Trần Hoàng	Nam	Nam	9/9/1996			
32	232064	Lê Hoài	Nam	Nam	4/9/2001			

Số thí sinh dự thi:

Số thí sinh vắng thi:

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất Cán bộ coi thi thứ hai

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
SAU ĐẠI HỌC

.....

